

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bố trí ổn định dân di cư tự do xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ cho các địa phương;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về tình huống khẩn cấp đối với các dự án hồ chứa thủy lợi và di dân khỏi vùng có nguy cơ sạt lở, thiên tai tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 86/UBND-KTTH ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai đầu tư các dự án khẩn cấp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 522/TTr-SGTVT ngày 25/3/2021 (kèm theo báo cáo thẩm định) và Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bố trí ổn định dân di cư tự do xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Bố trí ổn định dân di cư tự do xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện.

2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư

4.1. Mục tiêu đầu tư: Bố trí, sắp xếp ổn định 67 hộ dân di cư tự do còn khó khăn về đời sống phù hợp với tình hình mới hiện nay, nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân di cư tự do sớm ổn định đời sống, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Sắp xếp lại dân cư, ổn định chỗ ở, tổ chức lại sản xuất, xây dựng nông thôn mới, tạo môi trường bền vững đối với các hộ dân di cư theo đúng quy hoạch bố trí dân cư, phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư:

4.2.1. Phần giao thông:

Quy mô đường giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014), tổng chiều dài tuyến 3,26Km, trong đó: Tuyến chính nối từ Đường tỉnh 662B vào cuối điểm dân cư, chiều dài tuyến: $L = 2,52\text{km}$ (nhánh D1 trùng với tuyến chính); Các tuyến nhánh nội bộ khu dân cư (nhánh: D2, D3, D4, D5), tổng chiều dài tuyến: $L = 0,74\text{km}$. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước. Cụ thể:

4.2.1.1. Nền, mặt, lề đường:

4.2.1.1.1. Nền đường:

Tuyến chính (từ Đường tỉnh 662B vào cuối điểm dân cư) nền đường thiết kế rộng 7,0m; các tuyến nhánh nội bộ khu dân cư nền đường được thiết kế rộng 5,0m. Ta luy nền đường thiết kế với ta luy đào 1/1, taluy đắp 1/1,5. Nền đường sau khi hoàn thiện lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

4.2.1.1.2. Mặt đường:

- Tuyến chính (từ đường TL662B vào cuối điểm dân cư): mặt đường thiết kế rộng 5,0m, độ dốc ngang mặt đường 2%; kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Bê tông xi măng đá 2x4 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; lớp CPĐD loại I $D_{\max} = 37,5\text{mm}$ dày 12cm, độ chặt $K \geq 0,98$; đất đồi chọn lọc dày 20cm, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

- Các tuyến nhánh nội bộ khu dân cư (nhánh: D2, D3, D4, D5): mặt đường được thiết kế rộng 3,5m, độ dốc ngang mặt đường 2%; kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Bê tông xi măng đá 2x4 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; lớp CPĐD loại I $D_{\max} = 37,5\text{mm}$ dày 12cm, độ chặt $K \geq 0,98$; đất đồi chọn lọc dày 20cm, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

4.2.1.1.3. Lề đường:

Tuyến chính lề đường thiết kế mỗi bên rộng 1,0m, các tuyến nhánh lề đường thiết kế mỗi bên rộng 0,75m, bằng đất cấp 3 lu lèn $K \geq 0,95$, dốc ngang lề đường 4%. Tại các vị trí gia cố mương xây, lề đường gia cố đến mép mương, kết cấu gia cố: Bê tông đá 2x4 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; lề đường lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

4.2.1.2. Công trình thoát nước:

- **Thoát nước ngang:** Các cống thoát nước ngang được thiết kế bằng đá xây và BTCT, tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất thiết kế 10%. Tổng cộng 05 cống/52,2m.

- **Thoát nước dọc:** Tại các vị trí tuyến giao với đường nhánh, lối vào tuyến nội bộ thiết kế mương xây đập đan và mương xây hở hình chữ nhật kích thước (50xH), tổng chiều dài mương 1235m; Tuyến chính thiết kế cống bản dọc kích thước (70xH) và mương xây đập đan chịu lực (02 cống bản/18m; 217m mương xây).

4.2.1.3. Nút giao, đường giao: Tại các vị trí tuyến giao với đường nhánh, lối vào... được thiết kế vuốt nối êm thuận về các nhánh giao. Kết cấu vuốt nối đường giao như kết cấu mặt đường chính..

4.2.1.4. Công trình phòng hộ an toàn giao thông: Bố trí hoàn chỉnh hệ thống cọc tiêu, biển báo..., trên tuyến theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

4.2.2. Phần hạ tầng kỹ thuật, dân dụng: Quy mô đầu tư và giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình chủ yếu như sau:

4.2.2.1. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

4.2.2.1.1. San nền: Thực hiện san nền khu bố trí ổn định dân cư diện tích khoảng 4,03 ha (không tính diện tích đất giao thông) cho 67 hộ và nhà văn hóa. Độ chặt san nền hoàn thiện $K \geq 0,90$.

4.2.2.1.2. Công trình cấp nước sinh hoạt: Nguồn nước từ giếng khoan 120m, đường kính khoan 14cm, dùng bơm chìm 7,5HP bơm nước vào đài nước thông qua hệ thống đường ống cấp nước tự chảy cho các hộ dân. Đài nước hệ khung thép hàn, móng BTCT, chiều cao 12m, bồn nước inox 10m³, thiết kế chống sét hoàn chỉnh. Hệ đường ống cấp nước HDPE D63mm và D25mm tổng chiều dài khoảng 1.530m; phụ kiện và đồng hồ cấp nước sạch.

4.2.2.2. Công trình dân dụng:

4.2.2.2.1. Phòng học mẫu giáo:

- Nhà học mẫu giáo 1 tầng, công trình cấp III, diện tích xây dựng 200 m², kích thước sàn (10x19)m gồm 2 phòng học cùng 2 phòng kho cùng 2 nhà vệ sinh + hiên trước và sau; chiều cao cốt trần +3,6m, đỉnh mái +6,3m so với cốt ±0,00 (cốt sàn). Kết cấu móng đơn BTCT + móng tường xây đá chẻ; hệ trụ, giằng móng, dầm mái, sê-nô tạo hệ khung BTCT; trần tôn mạ màu; mái lợp tôn, xà gồ thép; tường xây gạch, nền lát gạch ceramic; cửa đi, cửa sổ khung thép hộp, lắp kính trắng; nhà vệ sinh thiết bị vệ sinh đầy đủ, bể bán tự hoại + giếng thấm. Cấp điện + điện chiếu sáng và quạt, thiết kế đảm bảo an toàn điện. Cấp nước từ đài nước khung thép cao 4m móng BTCT, bồn inox 1,5m³ và hệ ống PVC cấp nước vào nhà. Thiết bị bàn ghế, kệ đựng balo.

- Sân bê tông diện tích 172 m². Cống, rào thoát chiều dài 60m, cống cao 4,5m, rào cao 2,2m ; trụ cống BTCT; móng tường xây đá chẻ, trụ tường xây

gạch thẻ, hàng rào thoáng song sắt; cánh cổng trượt khung sắt hộp. Hàng rào lưới B40 chiều dài 40m, cao 1,8m, trụ rào BTCT, chân tường gạch xây.

4.2.2.2.2. Nhà văn hóa thôn:

- Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 145 m², chiều cao cốt trần +4,2m, cao độ đỉnh mái 6,6m (so với cốt ±0,0). Móng BTCT và móng xây đá chẻ; hệ khung cột, giằng, dầm, sê-nô BTCT; hệ kèo khung thép, giằng thép, xà gồ thép; mái lợp tôn; trần tôn; cửa đi, cửa sổ khung thép hộp lắp kính trắng. Cấp điện, điện chiếu sáng, quạt trần hoàn chỉnh. Thiết bị bàn ghế, tượng Bác Hồ, bức phát biểu.

- Sân bê tông diện tích 242 m². Cổng, rào thoáng chiều dài 26,5m, cổng cao 4,5m, rào cao 2,2m; trụ cổng BTCT, cánh cổng trượt khung sắt hộp; móng tường xây đá chẻ, trụ tường xây gạch thẻ, hàng rào thoáng song sắt. Hàng rào lưới B40 chiều dài 57,5m, cao 1,8m; trụ rào BTCT, chân tường gạch xây.

4.2.3. Phần công nghiệp: Quy mô công trình xây dựng: 2.305m đường dây 22kV; 882m đường dây hạ áp; 01 trạm biến áp 3P-100kVA, 22/0,4kV.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng phát triển và Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hoàng Thiên Hà.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

6.1. Địa điểm xây dựng: Xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

6.2 Diện tích đất sử dụng: Khoảng 4,03 ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

7.1. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

7.2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; hạ tầng kỹ thuật; công nghiệp. Cấp công trình: Cấp IV.

7.3. Thời hạn sử dụng công trình chính: 20 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- 22TCN 263-2000 Quy trình khảo sát đường ô tô;
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế.
- QCVN 07-1:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước.
- TCXDVN 5574:2012. Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575:2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 2737:1995. Tải trọng tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
- 11 TCN 18:2006 - Quy phạm trang bị điện - Phần 1: Quy định chung.
- 11 TCN 19:2006 - Quy phạm trang bị điện - Phần 2: Hệ thống đường dây dẫn điện.

- 11 TCN-20-2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành Quy phạm trang bị điện tại quyết định số: 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006 và Quy định kỹ thuật điện nông thôn QĐKT.ĐNT-2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành tại Quyết định số: 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật, văn bản và tài liệu liên quan khác.

9. Tổng mức đầu tư: 24.170.000.000 đồng.

(Hai mươi bốn tỷ, một trăm bảy mươi triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường và chi phí hỗ trợ tái định cư	4.170.000.000
- Chi phí xây dựng	17.289.216.000
- Chi phí thiết bị	366.650.000
- Chi phí quản lý dự án	443.616.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.386.456.000
- Chi phí khác	496.678.000
- Chi phí dự phòng	17.384.000

10. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2020: 20 tỷ đồng và phần vốn còn lại ngân sách huyện cân đối, phân bổ: 4,17 tỷ đồng.

11. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chịu trách nhiệm về hồ sơ thiết kế, dự toán, tổ chức triển khai dự án theo đúng quy định của Nhà nước, công trình phải đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Quản lý và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả, kiểm tra, thanh toán các chi phí phải đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện, rà soát tiếp thu các ý kiến tham gia thẩm định của các sở, ngành hoàn thiện hồ sơ theo quy định.


- Khẩn trương tổ chức triển khai thi công, hoàn thành dự án trong năm 2021 và tự quyết định toàn bộ nội dung công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo Điều 58 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Phú Thiện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các đồng chí PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, KT.


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tiến Đông